

Các điều kiện đảm bảo quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT tại Việt Nam: Những bất cập và giải pháp khắc phục

PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn¹, Nguyễn Thị Nhật Thao, Đặng Thị Như Quỳnh,
Nguyễn Thị Ngọc Anh, Nguyễn Thị Tươi, Nguyễn Thị Hương

Tóm tắt: Hiện nay, vấn đề nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT là vấn đề đáng nghiên cứu đặc biệt trong bối cảnh của Việt Nam. Có nhiều vấn đề gây tranh cãi được đưa ra bàn luận liên quan đến quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT, chẳng hạn như: Có nên hợp pháp hóa quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT hay không? Quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT bị hạn chế như thế nào ở Việt Nam? Và chúng ta cần phải làm gì để đấu tranh bảo vệ quyền cho nhóm người thiểu số này ở Việt Nam? Theo chúng tôi, những câu hỏi này cần phải được giải đáp rõ ràng và toàn diện, đặc biệt phải gắn với bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội ở Việt Nam. Đã có nhiều công trình được công bố ở Việt Nam trong những năm qua liên quan đến chủ đề này. Các công trình này cho thấy những người LGBT cũng khao khát có được quyền nuôi con nuôi, nhưng quyền này chưa được hợp pháp hóa theo pháp luật Việt Nam. Trên thực tế, nhiều người thuộc cộng đồng LGBT, đặc biệt là các cặp đồng giới sống với nhau như một gia đình nhưng lại thiếu những đảm bảo pháp lý như điều kiện nhân thân, tài sản, nuôi dưỡng và chăm sóc con cái.... Trong bài viết này, nhóm tác giả phân tích và đánh giá những bất cập trong bảo đảm quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT, nguyên nhân của những hạn chế, bất cập đó. Ở cuối bài viết, nhóm tác giả cũng đề xuất các giải pháp lâu dài và giải pháp trước mắt cũng như cách thức hiện thực hóa trong điều kiện Việt Nam để bảo đảm tốt hơn quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT.

Từ khóa: Quyền nuôi con nuôi, cộng đồng LGBT, bình đẳng giới, xu hướng tính dục, bản dạng giới.

1. Khái quát về cộng đồng LGBT và quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT

LGBT là cụm từ viết tắt trong Tiếng Anh của các từ: Lesbian, Gay (đồng tính), Bisexual (song tính), Transgender (chuyển giới), dùng để mô tả xu hướng tính dục của một người. Theo định nghĩa của hiệp hội Tâm lý Hoa Kỳ (APA): *Xu hướng tính dục là một sự hấp dẫn có tính bền vững về cảm xúc, sự lãng mạn, tình dục hoặc tình cảm hướng tới những người khác. Nó khác với những cấu thành khác của tính dục bao gồm giới tính sinh học, bản dạng giới (cảm nhận tâm lý mình là nam hay nữ), và vai trò giới (sự tham gia vào quan niệm xã hội về hành vi nam tính hay nữ tính)*². Với định nghĩa trên, xu hướng tính dục bao gồm cả sự bị hấp dẫn về tình cảm và thể chất tới người khác. Hơn nữa, bản dạng giới của một người có thể đồng nhất hoặc không đồng nhất với giới được chỉ định sau sinh dựa trên giới tính sinh học của họ.

Theo Điều 1 Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948: *“Mọi người sinh ra tự do và bình đẳng về phẩm cách và quyền lợi, có lý trí và lương tri, đồng thời phải*

¹Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: tuannguyenminh1979@gmail.com

² Xu hướng tính dục & Đồng tính luyến ái, Sexual Orientation & Homosexuality. Xem: <https://www.apa.org/topics/lgbtq/orientation> truy cập lần cuối ngày 06/8/2021

đôi xử với nhau trọng tình bác ái". Như vậy, quyền của con người là những quyền tự nhiên, vốn có và khách quan cần được ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và chắc chắn rằng người LGBT rất xứng đáng được hưởng đầy đủ các quyền của một con người, trong đó có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Điều này được tạo dựng từ việc kết hôn, xây dựng gia đình, được làm cha mẹ của những đứa con... Do đó, quyền của cộng đồng LGBT cần được bảo đảm và quyền mưu cầu hạnh phúc không là ngoại lệ. Trong đó, quyền kết hôn và quyền nuôi con nuôi được xem là một quyền thiêng liêng trong đời sống của mỗi cá nhân. Gắn với quyền này, một gia đình sẽ được hình thành, gắn kết với nhau bằng tình cảm, sự sẻ chia giữa những thành viên trong gia đình. Việc bảo vệ quyền của cộng đồng LGBT là một trong những cách thức để đảm bảo được giá trị xã hội của pháp luật, hướng đến tính công bằng, bình đẳng - mục tiêu cao cả của pháp luật. Do vậy, về bản chất, việc kết hôn và nhận nuôi con nuôi của một cặp đôi đồng tính không ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của xã hội. Ngược lại, việc làm này còn mang lại lợi ích về sức khỏe cộng đồng, bình đẳng giới và hòa hợp xã hội.

Quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT.

*Quyền con người là khả năng thực hiện các đặc quyền tự nhiên và khách quan của con người, với tư cách là con người và với tư cách là thành viên xã hội, được đảm bảo bằng hệ thống chính sách, pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế về các giá trị con người trong các quan hệ vật chất, văn hóa, tinh thần, các nhu cầu tự do và phát triển*³. Do đó, xét về mặt đạo đức, chuẩn mực xã hội và các góc độ về quyền con người thì quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT được bắt nguồn từ những nhu cầu thiết yếu, mong muốn hạnh phúc của con người được các chuẩn mực quốc gia và cộng đồng quốc tế ghi nhận. Có thể hiểu: "*Quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT là nhu cầu khách quan tự nhiên của những người đồng tính, song tính và chuyển giới, mang những đặc điểm chung của quyền con người và các quyền đặc thù của cộng đồng LGBT nhằm đảm bảo nhu cầu, mong muốn về quyền được làm cha mẹ của cộng đồng LGBT, được ghi nhận, thúc đẩy, bảo vệ bằng pháp luật*". Qua cách hiểu về quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT như trên, ta có thể thấy quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT mang một số đặc điểm sau: *Thứ nhất*, quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT mang những đặc trưng chung của quyền con người; *Thứ hai*, quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT là quyền của nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương cần được đảm bảo trong xã hội; *Thứ ba*, quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT thể hiện tinh thần nhân văn.

Mối quan hệ của quyền nuôi con nuôi với các quyền khác

Thứ nhất, mối quan hệ giữa quyền nuôi con nuôi với quyền kết hôn của cặp đôi LGBT. Quyền nuôi con nuôi và quyền kết hôn của cặp đôi LGBT là hai quyền không xung đột nhau. Tại các quốc gia như Mỹ, Pháp, Đài Loan, việc thừa nhận quyền nuôi con nuôi chung thực chất phải dựa trên một hình thức pháp lý nào đó cho mỗi quan hệ sống chung, kể cả là người LGBT. Nếu như cặp đôi dị tính muốn nhận nuôi con nuôi thì phải là vợ chồng hợp pháp. Do vậy, với cặp đôi LGBT cũng cần có một cơ chế pháp lý để ghi nhận mối quan hệ của họ, khi đó thì mới có cơ sở để thực hiện quyền nuôi con nuôi. Tuy nhiên cũng có một số ít quốc gia thừa nhận quyền nuôi con nuôi như một quyền độc lập, khi chưa thừa nhận hôn nhân của các cặp đôi LGBT như Andorra (2014), Australia (2016)...⁴

³ Chu Hồng Thanh (1997), *Quyền con người và Luật quốc tế về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.23

⁴ European Parliament (Briefing) (05/2016), *The rights of LGBTI people in the European Union*, tr.5

Thứ hai, mối quan hệ giữa quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT với quyền của trẻ em được nhận làm con nuôi. Hai quyền này có sự tác động qua lại một cách mật thiết. Một mặt, nếu việc nhận con nuôi của cộng đồng LGBT được công nhận bởi pháp luật và được thực hiện trên thực tế thì mối quan hệ giữa cặp đôi LGBT nhận nuôi với đứa trẻ sẽ thêm sự gắn kết, tình cảm gia đình được hình thành qua sợi dây liên hệ giữa cha mẹ và con cái. Mặt khác, đây cũng là tiền đề nhằm bảo đảm tốt nhất các quyền khác của đứa trẻ như: quyền được nuôi dưỡng, quyền được giáo dục, quyền được chăm sóc y tế...

Thứ ba, mối quan hệ giữa quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT với quyền bình đẳng, không bị phân biệt đối xử giữa mọi người trong xã hội. Việc hợp pháp hóa quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT sẽ là điều kiện giúp đảm bảo về mặt pháp lý nhằm hiện thực hoá quyền bình đẳng giữa mọi cá nhân trong xã hội. Đồng thời, nếu quyền nuôi con nuôi của cặp đôi LGBT chưa được công nhận thì vấn đề phân biệt, kì thị liên quan đến giới vẫn sẽ tồn tại và dẫn đến các quyền cơ bản khác của họ cũng dễ bị xâm phạm.

2. Những bất cập trong bảo đảm quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT tại Việt Nam và nguyên nhân của những bất cập

2.1 Những bất cập về nội dung các quy định của pháp luật

Thời gian qua, trên thực tế, việc nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT vẫn diễn ra, tuy nhiên, do pháp luật còn nhiều hạn chế nên dẫn tới còn nhiều bất cập xảy ra. Cụ thể:

Thứ nhất, theo quy định hiện hành của Luật Bình đẳng giới, các khái niệm mới chỉ dừng lại ở “giới” và “giới tính”⁵ khiến cho những người có “xu hướng tính dục” hay “bản dạng giới” khác với số đông trong xã hội trở thành những chủ thể không được điều chỉnh bởi pháp luật. Từ đó gây ra những khó khăn trong việc thực hiện các chế định pháp lý đối với những người đồng tính, song tính, chuyển giới nói chung và các chế định về nuôi con nuôi, chăm sóc và bảo vệ trẻ em hiện nay, đặc biệt trong việc ghi nhận bản dạng giới của nhóm người chuyển giới trong quá trình thực hiện việc nhận nuôi.

Thứ hai, Khoản 3 Điều 8 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định: “Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng”. Tuy vậy, Luật hôn nhân và gia đình chỉ công nhận hôn nhân hợp pháp giữa nam và nữ, không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính⁶. Điều này dẫn đến việc cộng đồng LGBT bị đẩy ra khỏi vòng pháp luật. Do pháp luật hiện nay không cấm hai người đồng tính được sống chung với nhau nhưng cũng không công nhận bằng một hình thức pháp lý nào nên đối với trường hợp nhận con nuôi chung (con không có quan hệ huyết thống với cả hai người) của cặp đôi người đồng tính, song tính và chuyển giới cũng chưa được pháp luật về nuôi con nuôi cho phép.

Thứ ba, từ việc pháp luật chưa cho phép cặp đôi người đồng tính, song tính và chuyển giới nuôi con nuôi dẫn đến việc họ tìm cách “lách luật”. Theo đó, một trong hai người họ sẽ đứng ra nhận nuôi con với tình trạng độc thân theo đúng như quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Nuôi con nuôi năm 2010. Điều này đã làm phát sinh rất nhiều vấn đề về các quyền dân sự, ví dụ như: người không đứng ra nhận nuôi con sẽ không

⁵ Luật Bình đẳng giới năm 2006

⁶ Khoản 2, Điều 8 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014

thể đại diện hoặc giám hộ cho con khi cần thiết; người không đứng ra nhận nuôi con với đứa trẻ cùng không phát sinh quan hệ cha, mẹ, con hay quan hệ thừa kế⁷; đặc biệt trong trường hợp xấu cặp đôi LGBT chia tay, không còn mối quan hệ chung sống, thì tranh chấp việc nuôi con nếu xảy ra sẽ giải quyết như thế nào vẫn là một vấn đề bỏ ngỏ. Không giải quyết được vấn đề đó có thể sẽ gây ra sự tổn thương rất lớn cho đứa trẻ, nhất là trẻ em dưới 18 tuổi, khi mà suy nghĩ của các em còn non nớt.

Thứ tư, trong trường hợp nhận con nuôi bằng hình thức mang thai hộ đối với cặp đồng tính nam (“đẻ thuê”) hoặc hỗ trợ sinh sản đối với cặp đồng tính nữ (một trong hai người xin tinh trùng) cũng nảy sinh nhiều vấn đề pháp lý. Theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Luật Nuôi con nuôi năm 2010: “*Trừ trường hợp giữa cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi có thỏa thuận khác, kể từ ngày giao nhận con nuôi, cha mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi*” thì người cùng chung sống cũng không thể nhận đứa trẻ là bố nuôi (hoặc mẹ nuôi) vì pháp luật quy định khi mối quan hệ con nuôi đã được xác định thì bố mẹ đẻ không còn quyền và nghĩa vụ với người con này nữa. Điều này gây ra việc không thể đảm bảo quyền của cả cặp đôi đồng tính đối với đứa trẻ⁸.

Thứ năm, trên thực tế, Việt Nam hiện chưa có một cơ quan chuyên trách bảo vệ nhân quyền nói chung và quyền của nhóm yếu thế trong xã hội nói riêng. Hơn nữa, việc giám sát quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ em được nhận nuôi còn lỏng lẻo, mới chỉ dừng lại ở việc cha mẹ báo cáo định kỳ dẫn tới việc bảo vệ quyền của trẻ em được nhận nuôi chưa được đảm bảo.

2.2. Những bất cập về thủ tục pháp lý

Thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi theo quy định của Luật Nuôi con nuôi năm 2010, Nghị định số 19/2011/NĐ-CP và Nghị định số 24/2019/NĐ-CP còn gặp nhiều khó khăn, bất cập. Đó là:

Thứ nhất, đó là khó khăn trong việc xác định điều kiện nuôi con nuôi. Luật Nuôi con nuôi quy định người nhận con nuôi phải có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi, có tư cách đạo đức tốt⁹. Tuy nhiên, do không có văn bản giải thích và đưa ra các tiêu chuẩn đánh giá cho mỗi điều kiện trên nên dẫn tới thực tế áp dụng pháp luật tại mỗi địa phương sẽ khác nhau. Từ đó, dẫn đến việc khó xác định theo đúng chuẩn mực mà quy định pháp luật đặt ra.

Thứ hai, quy định về “*tính hợp lệ*” của hồ sơ nhận nuôi con nuôi chưa rõ ràng. Công chức tư pháp - hộ tịch sau khi xem xét hồ sơ có thể khẳng định là “*hồ sơ không hợp lệ*” và tiến hành trả hồ sơ sau khi đối chiếu với pháp luật. Tuy nhiên, rất khó để xác định tính hợp lệ của hồ sơ. Nếu người nhận nuôi không đạt một trong những điều kiện theo quy định, liệu công chức tư pháp - hộ tịch sẽ trả hồ sơ với lý do “*hồ sơ không hợp lệ*” hay sẽ vẫn coi là “*hồ sơ hợp lệ*” và tiến hành lấy ý kiến của những người có liên quan vì bản thân người nhận nuôi là LGBT?¹⁰. Đó cũng là một lỗ hổng pháp lý cần phải giải quyết để ngăn ngừa những vấn đề tiêu cực mới phát sinh.

⁷ Trương Hồng Quang (2014), *Về mối quan hệ sống chung của người đồng tính trong Dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình (sửa đổi)*, Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp.

⁸ Trương Hồng Quang (2014), *Về mối quan hệ sống chung của người đồng tính trong Dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình (sửa đổi)*, Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp.

⁹ Khoản 1, Điều 14 Luật nuôi con nuôi năm 2010

¹⁰ UNDP - USAID VietNam (2014), *Quyền nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Việt Nam - thực trạng và khuyến nghị*, tr.35

Ngoài ra, các phương tiện thông tin đại chúng chưa phát huy mạnh mẽ vai trò của mình, còn ít các bài viết chính thống, hành động, tuyên truyền pháp luật về cộng đồng LGBT và bảo vệ các quyền của người LGBT. Các tổ chức như ICS Center, iSEE, PFLAG Việt Nam hoạt động tích cực, mặc dù vậy chưa tạo được ảnh hưởng mạnh mẽ về vận động chính sách, cũng như chưa được nhiều người biết tới.

2.3. Nguyên nhân của những khó khăn, bất cập

Những khó khăn mà cộng đồng LGBT phải đối mặt trong cuộc sống xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau.

Về nguyên nhân chủ quan: chính bản thân người LGBT còn tự ti, thờ ơ với chính mình, không muốn hoặc chưa muốn công khai thiên hướng tính dục của bản thân, không chủ động trong việc tìm hiểu về quyền nuôi con nuôi chưa thực sự hiệu quả. Chính bởi việc thiếu tự tin, thiếu sự chủ động trong việc tìm hiểu quyền, thực hiện quyền và bảo đảm quyền đã khiến cho việc giải quyết các vấn đề của cộng đồng LGBT trở nên khó khăn hơn rất nhiều.

Về nguyên nhân khách quan:

Một là, sự hiểu biết của xã hội về quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT còn khá hạn chế. Hiện nay, nhắc đến cộng đồng LGBT, người ta thường quan tâm nhiều đến quyền kết hôn của cộng đồng LGBT. Do đó, việc nuôi con nuôi chưa thực sự được quan tâm.

Hai là, định kiến xã hội ảnh hưởng đến quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT. Những quan niệm truyền thống về hôn nhân nam nữ, một vợ một chồng, người vợ sinh con đẻ cái nối dõi tông đường hay những đứa trẻ có cha mẹ là người LGBT thì không thể phát triển bình thường... là những lý do chính để xã hội có thái độ gay gắt và phản ứng như vậy. Do đó, chầm dứt sự kỳ thị trong tiếp cận hôn nhân dân sự vẫn còn là vấn đề bức bách tại Việt Nam để có thể hòa nhập với sự thay đổi trong quan niệm về nhân quyền và hôn nhân với thế giới¹¹.

Ba là, những bất cập, hạn chế chủ yếu xuất phát từ việc pháp luật Việt Nam chưa ghi nhận quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT. Không chỉ vậy, pháp luật hiện nay chỉ thừa nhận hai giới tính được ghi nhận trong các văn bản pháp lý là Nam/Nữ, mà chưa ghi nhận các xu hướng tính dục khác cũng là điểm hạn chế cần phải khắc phục.

3. Giải pháp nhằm bảo đảm quyền nuôi con nuôi cho cộng đồng LGBT tại Việt Nam

3.1. Giải pháp mang tính chiến lược

+ Về nhóm giải pháp chung:

Một trong những giải pháp tiên quyết và quan trọng nhất để bảo đảm quyền của cộng đồng LGBT, trong đó có quyền nuôi con nuôi, là cần phải thay đổi nhận thức, thái độ của tất cả mọi người. Cụ thể là:

Đối với cá nhân người LGBT: Họ cần phải chủ động hơn, có thái độ tích cực, tự tin hơn trong cuộc sống. Đối với cá nhân những người LGBT hoặc những cặp đôi LGBT có nhu cầu nhận nuôi con nuôi, họ nên chuẩn bị tâm lý thật sẵn sàng, chuẩn bị thật tốt các điều kiện về vật chất và tinh thần trước khi quyết định đón nhận đứa trẻ mà mình muốn nhận nuôi.

¹¹ Trương Hồng Quang (2016), *Pháp luật quốc tế về quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 23 (327), Kỳ 1 - Tháng 12/2016, tr.23

Đối với gia đình, người thân của người LGBT: Những người con phải là người chủ động tâm sự, bày tỏ những tâm tư, nguyện vọng của mình để cha mẹ có thể cảm thông và thấu hiểu. Đồng thời, chính những cha, người mẹ hay người thân của người LGBT cũng phải chủ động tìm hiểu những thông tin, kiến thức về cộng đồng LGBT thông qua các nguồn tài liệu chính thống để hiểu hơn về người LGBT cũng như những quyền lợi mà họ xứng đáng có được.

Đối với cộng đồng xã hội: Chúng ta cần phải đổi mới trong quan niệm truyền thống, văn hóa mang đậm chất Á Đông vốn đã ăn sâu vào văn hóa Việt Nam. Ngoài ra, cần phải đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền, phổ biến các kiến thức liên quan đến cộng đồng LGBT (mở rộng hoạt động của các tổ chức, hội nhóm liên quan đến cộng đồng LGBT; đẩy mạnh vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng; tích hợp kiến thức liên quan đến cộng đồng LGBT vào việc giáo dục giới tính...). Việc giáo dục cho mọi người về chủ đề đồng tính và đa dạng tính dục sẽ giúp loại trừ những định kiến về người đồng tính và nhóm người thiểu số tính dục nói chung¹².

+ Về nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật

Việc thừa nhận, hợp pháp hóa quyền của người LGBT tại Việt Nam, nhất là quyền kết hôn và quyền nuôi con nuôi khó có thể thay đổi một cách tức thời mà cần trải qua một quá trình lâu dài. Để tiến tới việc công nhận và bảo đảm quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT, chúng ta cần thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, nhằm bảo đảm bình đẳng, không phân biệt đối xử và tạo điều kiện thuận lợi cho việc công nhận quyền nuôi con nuôi của người LGBT, một số khái niệm pháp lý về “giới”, “giới tính”, “bình đẳng giới” trong Luật Bình đẳng giới cần phải thay đổi, mở rộng hơn theo hướng xác định “xu hướng tính dục” và “bản dạng giới” mà không xét trên giới tính sinh học như hiện nay.

Thứ hai, việc thực hiện và đảm bảo quyền nuôi con nuôi cho cộng đồng này cần được tiến hành theo trình tự, lộ trình cụ thể. Trong thời điểm hiện tại, một giải pháp mang tính gợi mở cho pháp luật Việt Nam là *nhà nước nên cấp một giấy chứng nhận về mối quan hệ dân sự (kết hợp dân sự) cho những cặp đôi đồng giới với hệ quả pháp lý như hợp đồng tiền hôn nhân của pháp luật các nước (civil union)*. Đây là một bước tiến quan trọng trong việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới ở Việt Nam. Trên bình diện pháp lý, *giấy chứng nhận về mối quan hệ dân sự này sẽ giải quyết được các vướng mắc liên quan đến các quan hệ hôn nhân gia đình như vấn đề về tài sản chung hay vấn đề về quyền và nghĩa vụ nuôi con nuôi của các cặp đôi đồng giới*. Tuy nhiên, đây chỉ là một giải pháp mang tính tạm thời. Trong thời gian tới, pháp luật Việt Nam phải xem xét, cân nhắc để tiến tới hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới, có như vậy thì việc công nhận và đưa ra những chế định liên quan đến quyền nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT mới được thực hiện một cách dễ dàng và thuận lợi hơn. Khi đó cần sửa đổi quy định “*Nam và nữ có quyền kết hôn và ly hôn...*” ở khoản 1 Điều 36 Hiến pháp năm 2013 thành “*Mọi người có quyền kết hôn và ly hôn...*”, đồng thời sửa đổi Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 theo nguyên tắc công nhận quan hệ hôn nhân giữa hai người không phân biệt cùng giới hay khác giới và bãi bỏ những quy định không phù hợp.

Thứ ba, các nhà lập pháp không chỉ rà soát để sửa đổi, bổ sung các quy định phù hợp hơn trong Bộ luật Dân sự; Luật Nuôi con nuôi; Luật trẻ em... mà còn phải quy

¹² iSEE, ICS, APA (07/2012), *Trả lời các câu hỏi của bạn về đồng tính và xu hướng tính dục*, tại <http://www.thuvien.lgbt/camnang>, truy cập lần cuối ngày 2/11/2021, tr.4

định những văn bản dưới luật nhằm hướng dẫn các điều kiện của người nhận nuôi con nuôi.

Với Bộ luật Dân sự năm 2015: Về quyền được có người giám hộ, trong trường hợp cặp đôi LGBT sống cùng nhau và một người là cha đẻ hay mẹ đẻ hoặc cha nuôi hay mẹ nuôi song không có điều kiện chăm sóc trẻ (do đi công tác dài ngày hoặc đang trong quá trình điều trị bệnh), người còn lại không phải là cha hoặc mẹ của trẻ dưới góc độ pháp lý sẽ trở thành người giám hộ đương nhiên (như “người thân thích”) hoặc được ưu tiên chỉ định theo đề xuất của cha hay mẹ của trẻ. Bởi lẽ, theo các Điều 49, 50, 52, 53, 54 thì quy định này chưa tạo điều kiện thuận lợi cho những người dù không phải là “người thân thích” của trẻ theo định nghĩa của pháp luật nhưng lại là người có quan hệ gần gũi và có điều kiện chăm sóc trẻ tốt nhất (ví dụ như ở cùng trẻ và chăm sóc trẻ trên thực tế) trở thành người giám hộ.

Với Luật Nuôi con nuôi năm 2010: sau khi công nhận mối quan hệ sống chung của các cặp đôi LGBT dưới góc độ pháp lý cần sửa đổi khoản 3 Điều 8 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 từ “*Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng*” thành “*Một người được làm con nuôi của một người độc thân, của cả hai người là vợ chồng hoặc cặp đôi có giấy chứng nhận về mối quan hệ dân sự*”.

Với Luật Trẻ em năm 2016: cần bổ sung nguyên tắc không phân biệt đối xử trẻ em dựa trên sự đa dạng về giới tính và tính dục của bản thân trẻ em hay của cha mẹ hoặc người giám hộ của trẻ.

Với văn bản quy phạm dưới luật: cần bổ sung hướng dẫn cụ thể về các điều kiện nhận con nuôi và đưa ra các tiêu chuẩn đánh giá cho mỗi điều kiện nhằm nhằm bảo đảm việc xem xét hồ sơ xin nhận con nuôi là minh bạch và hợp pháp, bảo đảm quyền lợi cho tất cả mọi người mà không có sự phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục hay bản dạng giới khi thực hiện thủ tục nhận nuôi, đồng thời góp phần bảo đảm quyền lợi cho trẻ khi được nhận nuôi bởi người có đủ điều kiện.

Thứ tư, thay vì chỉ quy định rằng cha mẹ khi nuôi đứa trẻ phải thực hiện việc báo cáo định kỳ, hay quy định về thanh tra, kiểm tra như hiện nay, *các nhà lập pháp cần phải bổ sung những quy định về cơ chế giám sát việc nhận nuôi con nuôi và thành lập cơ quan riêng biệt thực hiện chức năng giám sát này.* Bên cạnh đó, để phòng ngừa và ngăn chặn những tác động, ảnh hưởng tiêu cực từ thái độ kì thị, phân biệt đối xử hay thậm chí là những hành động bạo lực ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của trẻ em được nhận nuôi *chúng ta cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp từ tuyên truyền, giáo dục nhằm thay đổi nhận thức, thái độ đến việc đặt ra các chế tài xử phạt thích đáng. Để thực hiện được điều này cần có sự phối kết hợp từ nhiều phía, bao gồm Nhà nước, các tổ chức xã hội, gia đình và toàn thể cộng đồng.*

3.2. Một số giải pháp cấp bách cần thực hiện ngay

Để đảm bảo nguyện vọng, mong muốn có mái ấm của người LGBT cũng như trẻ em được hưởng đầy đủ các quyền con người “Không phân biệt đối xử với trẻ em” và “Vì lợi ích tốt nhất của trẻ em” thì cần thực hiện ngay các giải pháp như sau:

Nhóm giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của mọi người:

Một là, bản thân cộng đồng LGBT cần có những động thái tích cực hơn nữa, tự tin sống là chính mình, xây dựng hình ảnh đẹp trong lòng cộng đồng xã hội. Với cá nhân những người nổi tiếng, có tiếng nói và sự ảnh hưởng trong cộng đồng mà là người LGBT cũng nên đẩy mạnh việc truyền thông, lên tiếng đấu tranh để bảo vệ quyền lợi cho chính bản thân mình cũng như quyền lợi của cộng đồng LGBT.

Hai là, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tiếp tục mở rộng chương trình giáo dục về giới tính tại các cấp học. Cụ thể là bổ sung kiến thức về giáo dục giới tính vào môn Sinh học, vấn đề về quyền của cộng đồng LGBT vào môn Giáo dục công dân, cùng với đó là đưa các câu chuyện liên quan đến cộng đồng LGBT vào môn Ngữ văn để góp phần định hướng cho học sinh có nhận thức đúng đắn hơn.

Ba là, Bộ Y tế cần phổ biến các kiến thức khoa học về xu hướng tính dục, bản dạng giới... cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đặc biệt là các cơ sở khám, chữa bệnh và cán bộ ngành y tế. Bên cạnh đó, xây dựng và tổ chức các chương trình hướng dẫn việc chăm sóc, nuôi dưỡng, tiếp cận các dịch vụ y tế bảo vệ sức khỏe cho trẻ để những người LGBT có nhu cầu nhận nuôi con nuôi tham gia để có kiến thức và kỹ năng nuôi dạy trẻ được nhận nuôi một cách tốt nhất.

Bốn là, các tổ chức báo chí, phương tiện truyền thông đại chúng cần phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của mình trong vấn đề bảo vệ người LGBT. Cụ thể:

- Tích cực đưa tin, đăng bài chính thống hoặc tổ chức các chương trình hướng đến các giá trị chung, khai thác ở góc độ tích cực hơn để mọi người có cái nhìn đúng hơn về cộng đồng LGBT; mở rộng phạm vi phổ biến thông tin đến các vùng nông thôn, miền núi... để mọi người hiểu đúng về cộng đồng LGBT cũng như giúp những người thuộc cộng đồng LGBT hiểu rõ hơn về bản thân mình và những quyền mà mình cần lên tiếng đấu tranh để được đảm bảo.

- Công chiếu các bộ phim, video, hình ảnh hoặc các chương trình ca nhạc liên quan đến cộng đồng LGBT, quyền của cộng đồng này. Đây là một cách thức mà mọi người dễ tiếp cận và thay đổi nhận thức, có cái nhìn đúng đắn hơn về họ. Ví dụ như ở Canada đã từng công chiếu bộ phim tài liệu *Mommy Mommy* (một bộ phim tài liệu năm 2007 của đạo diễn Sylvie Rosenthal kể về cuộc đấu tranh kéo dài 5 năm để có con của một cặp đôi Montreal đồng tính nữ) hay như bộ phim *Preacher's Sons* (một bộ phim tài liệu American Năm 2008, của C. Roebuck Reed và Mark Nealey). Hai bộ phim này sau khi được công chiếu đã gây được tiếng vang lớn làm thay đổi thái độ và cách nhìn nhận của nhiều người ở hai quốc gia trên. Chính vì vậy, tại Việt Nam cũng nên học hỏi và triển khai các bộ phim như vậy để mọi người thức tỉnh, thay đổi nhận thức, từ đó thay đổi hành vi của mình đối với người LGBT cũng như những đứa trẻ được người LGBT nhận nuôi.

Năm là, các tổ chức xã hội, đặc biệt là các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thúc đẩy, bảo vệ quyền của cộng đồng LGBT như ICS Center, iSEE, PFLAG Việt Nam... cũng cần tích cực hoạt động hơn nữa để gây tiếng vang, đồng thời phối hợp với các cơ quan nhà nước để mở rộng quy mô, sự ảnh hưởng của mình trong xã hội. Cụ thể là, họ có thể lên kế hoạch và tổ chức các buổi giao lưu, chia sẻ kiến thức và các sự kiện (tọa đàm, triển lãm tranh ảnh, chương trình ca nhạc... để cung cấp những thông tin cơ bản về người LGBT). Trước tiên, họ nên bắt đầu thực hiện ở những địa bàn rộng lớn và tập trung nhiều người LGBT sinh sống như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... sau đó tiếp tục lan tỏa, mở rộng địa bàn tổ chức sự kiện tới những vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa...

Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và cơ chế đảm bảo thực thi:

Một là, cần bắt tay vào việc nghiên cứu để đưa ra một bộ khái niệm hoàn chỉnh về “giới”, “giới tính” và “bình đẳng giới”.

Hai là, các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền cần bắt tay ngay vào việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để tìm ra những “lỗ hổng pháp lý”, sự thiếu sót hay mâu thuẫn giữa các quy định hiện hành ảnh hưởng đến tiến trình công nhận và bảo đảm quyền cho cộng đồng LGBT nói chung và quyền nuôi con nuôi nói

cho cộng đồng này nói riêng. Hoạt động này góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc áp dụng và thực hiện pháp luật, tránh chông chéo, không đồng nhất trong cách hiểu gây khó khăn cho người LGBT cũng như những người áp dụng pháp luật trong việc thực hiện thủ tục pháp lý nhận nuôi con nuôi.

Ba là, thành lập những tổng đài, đường dây nóng tư vấn miễn phí để cung cấp những thông tin và tư vấn tâm lý, giải đáp thắc mắc cho những người LGBT, gia đình và bạn bè của họ, hay thậm chí là cả những người có nhu cầu tìm hiểu về cộng đồng LGBT nói chung và quyền của cộng đồng này nói riêng, trong đó bao gồm cả vấn đề về quyền nuôi con nuôi.

Bốn là, đối với vấn đề bảo đảm quyền lợi tốt nhất của trẻ em được nhận nuôi, chúng ta cần nghiên cứu, tìm hiểu và chuẩn bị những điều kiện tốt nhất (ví dụ như về nhân lực, tài chính...) để đảm bảo cho việc thiết lập cơ chế giám sát việc nhận nuôi con nuôi. Hiện nay, các công chức có phụ trách công tác liên quan đến trẻ em và gia đình ở các UBND cấp xã có thể kiêm nhiệm thêm việc giám sát định kỳ đối với các gia đình LGBT có nhận nuôi con nuôi. Bên cạnh đó, cơ quan giám sát này còn có thể thiết lập một đường dây nóng chuyên tiếp nhận thông tin, ý kiến phản ánh của cộng đồng xã hội khi nhận thấy cha mẹ LGBT không đáp ứng được điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mà mình phải đảm bảo theo quy định của pháp luật hay có những hành động vi phạm quyền của trẻ. Khi đó, họ sẽ kịp thời vào cuộc để xử lý những hành vi vi phạm, ngăn chặn những hậu quả xấu về cả thể chất lẫn tinh thần có thể xảy ra đối với đứa trẻ được nhận nuôi.

Năm là, Nhà nước cần đặt ra những chính sách phù hợp như đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, thay đổi nhận thức của mọi người để bảo vệ, phòng chống sự phân biệt đối xử đối với những người LGBT và đặc biệt là với những đứa trẻ có cha mẹ là người LGBT nhận nuôi. Đồng thời, tiếp tục nhân rộng các mô hình hỗ trợ cộng đồng góp phần bảo vệ quyền của người LGBT và quyền của trẻ em. Cụ thể là, chúng ta có thể phát triển các mô hình của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam như “Ngôi nhà bình yên” và “Địa chỉ tin cậy của cộng đồng”. Bởi lẽ, hiện tại các mô hình này đang phát huy khá tốt vai trò của mình trong việc bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em, đặc biệt là trong những trường hợp bị bạo lực gia đình, bị mua bán... Từ phía gia đình của trẻ (đặc biệt là cha mẹ) cũng cần phải giáo dục, xây dựng nền tảng tâm lý cho trẻ, tránh để tình trạng “sốc” với trẻ. Để làm được điều này: “cần bản là cha mẹ nhận nuôi phải nhận thức được các chức năng mà người cha và người mẹ cần có, cần thực hiện trong mối quan hệ tay ba: Trẻ-Cha-Mẹ. Sự ôm ấp êm ấm của người mẹ, sự cứng rắn nhưng là chỗ dựa của người cha mang lại cảm giác an toàn cho trẻ. Điều này sẽ giúp trẻ giảm "sốc" và thích nghi dần với hoàn cảnh sống mới. Sự tôn trọng, tình yêu thương, tính trung thực là những yếu tố cốt lõi để giúp trẻ vượt qua những tổn thương. Hành vi làm cha mẹ cần được chú trọng với hai khía cạnh chính: Hỗ trợ mạnh, kiểm soát đủ để trẻ thấy được nâng đỡ và an toàn”.¹³

Khi đã thực hiện các giải pháp như trên mà sự kì thị, xa lánh hay phân biệt đối xử vẫn xảy ra đối với trẻ được nhận nuôi thì cần tiếp tục thực hiện các giải pháp như sau:

Tại các cơ sở giáo dục - nơi mà đứa trẻ đó theo học: nếu xảy ra tình trạng kỳ thị, phân biệt đối xử, bạo lực học đường thì cần có sự vào cuộc của các cơ quan đoàn

¹³ Đây là quan điểm chung của PGS.TS. Trần Thu Hương (Giảng viên khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn), quan điểm của TS. Trương Hồng Quang và nhiều chuyên gia khác khi nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn trực tiếp (TG).

thể như Đội thiếu niên Tiền phong, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ huynh, giáo viên, nhà trường kết hợp với gia đình của trẻ để lựa chọn ra cách thức giải quyết triệt để vấn đề (như phê bình, cảnh cáo, kỷ luật, thậm chí là buộc thôi học).

Tại cộng đồng - nơi trẻ được nhận nuôi sinh sống: nếu xảy ra tình trạng kỳ thị, xa lánh, bạo lực từ phía những người xung quanh thì cần có sự vào cuộc để giải quyết của chính quyền địa phương kết hợp với gia đình của trẻ và các nhà tâm lý để tìm ra cách giải quyết hợp lý và hiệu quả nhất.

Trong hai trường hợp nói trên, nếu sự kỳ thị, phân biệt đó gây ra hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống, tâm lý, sự phát triển... của trẻ thì chúng ta cần phải đặt ra những chế tài xử phạt thích đáng đối với những người đã có thái độ hay hành động tiêu cực đó (xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự).

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Chu Hồng Thanh (1997), *Quyền con người và Luật quốc tế về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
2. European Parliament (Briefing) (05/2016), The rights of LGBTI people in the European Union
3. iSEE, ICS, APA (07/2012), *Trả lời các câu hỏi của bạn về đồng tính và xu hướng tính dục*, tại <http://www.thuvien.lgbt/camnang>, truy cập lần cuối ngày 2/11/2021
4. Luật Bình đẳng giới năm 2006
5. Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014
6. Luật nuôi con nuôi năm 2010
7. Trương Hồng Quang (2014), *Về mối quan hệ sống chung của người đồng tính trong Dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình (sửa đổi)*, Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp.
8. Trương Hồng Quang (2016), *Pháp luật quốc tế về quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 23 (327), Kỳ 1 - Tháng 12/2016
9. UNDP - USAID VietNam (2014), *Quyền nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Việt Nam - thực trạng và khuyến nghị*
10. Xu hướng tính dục & Đồng tính luyến ái, Sexual Orientation & Homosexuality. Xem: <https://www.apa.org/topics/lgbtq/orientation> truy cập lần cuối ngày 06/8/2021